

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Hồng P, sinh năm 1977 và chị Trần Thị H, sinh năm 1980; cùng cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

Ngày 08/11/2019 (âm lịch), bà cho vợ chồng anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng. Do anh P là em ruột của bà trực tiếp đề nghị bà cho vợ chồng P vay nên bà tin tưởng khi cho vay không lập thành văn bản, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả cụ thể. Thỏa thuận bằng lời nói khi nào có yêu cầu, bà

T sẽ thông báo trước cho anh P, chị H thời gian 01 tháng. Giao dịch vay tiền được thực hiện tại nhà bà, bà trực tiếp giao tiền cho chị H và có anh P chứng kiến.

Đến tháng 05/2019, bà yêu cầu anh P, chị H trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng nhưng anh P, chị H không trả. Đến tháng 09/2019, bà làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T và Ban quản lý ấp P yêu cầu giải quyết vụ việc này. Ngày 29/9/2019, Ban quản lý ấp P đã hòa giải cho bà và anh P, chị H. Tại buổi hòa giải, anh P và chị H thừa nhận còn nợ bà số tiền 20.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận được người sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho bà do hiện nay anh P và chị H đã ly hôn.

Nay bà yêu cầu anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị thừa nhận năm 2018, chị và anh Lương Hồng P có vay tiền của bà Lương Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, nhưng vay thời gian cụ thể ngày tháng nào chị không nhớ vì đã lâu và khi vay tiền không làm giấy nợ, do chị với bà T có mối quan hệ chị chồng – em dâu. Khi vay tiền, các bên không thế chấp tài sản, không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận cụ thể thời gian trả tiền là khi nào, bà T chỉ nói khi nào cần tiền sẽ báo trước cho vợ chồng chị 01 tháng. Mục đích vay tiền để xây nhà vợ chồng sinh sống. Việc vay tiền diễn ra tại nhà của bà T, khi đó có chị, bà T, anh P và chồng bà T. Người trực tiếp nhận tiền từ bà T là chị, vì anh P đang uống rượu với chồng bà T.

Tháng 5/2019, bà T yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng do thời gian này chị và anh P thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Biên nên các bên không thống nhất được ai là người có nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

Chữ ký tên và họ tên Trần Thị H trong biên bản hòa giải ở ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh ngày 29/9/2019 là chị ký xác nhận nội dung chị trình bày trong biên bản hòa giải là đúng.

Nay chị không đồng ý có nghĩa vụ trả số tiền nợ 20.000.000 đồng cho bà T. Bởi vì, đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và khi ly hôn, chị và anh P cũng chưa phân chia tài sản chung, anh P là người quản lý và sinh sống trên căn nhà mà vợ chồng vay tiền để xây dựng, chị không được chia tài sản chung nào sau khi ly hôn, nên không có khả năng và điều kiện để trả số tiền nợ cho bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Hồng P trình bày:

Anh là em ruột của bà Lương Thị T. Anh không biết số tiền 20.000.000 đồng mà bà T khởi kiện yêu cầu anh trả. Số tiền này chị H có vay của bà T hay không và vay để làm gì anh không biết. Hiện nay, anh và chị H đã ly hôn, khi ly hôn thì vợ chồng chưa phân chia tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản hòa giải ở ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh ngày 29/9/2019, anh xác nhận anh có tham gia hòa giải và có ký tên; còn chữ ký họ tên “Lương Hồng P” do ai viết anh không biết, nội dung trong biên bản hòa giải thể hiện ý kiến

của anh là “nếu chị H nói có nợ thì chị H về ở căn nhà này thì tôi đi chỗ khác ở, nhưng đất thì của cha mẹ không thuộc về chúng tôi, phải trả nợ 20.000.000đ”. Anh không xác nhận đồng ý cùng trả nợ với chị H.

Nay anh không đồng ý trả số tiền nợ 20.000.000 đồng cho bà T vì anh không biết và không liên quan, không ký nhận nợ số tiền này.

Việc bà T và chị H trình bày khi chị H vay tiền, anh có đang uống rượu tại nhà bà T cùng chồng bà T, anh xác nhận là đúng, nhưng anh chỉ uống rượu, không biết và cũng không yêu cầu chị H vay tiền bà T để xây nhà, vì số tiền chi phí xây nhà là do anh mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ anh vay ngân hàng 50.000.000 đồng để xây. Tổng cộng chi phí xây nhà bao nhiêu anh không xác định được cụ thể và không có hóa đơn, chứng từ chứng minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà T là chị ruột của anh P, anh P là chồng chị H nên việc các bên có vay số tiền 20.000.000 đồng, không làm giấy tờ nhận nợ nhưng chị H thừa nhận có vay, chưa trả và tại buổi hòa giải ngày 29/9/2019 tại ấp P, chị H và anh P đều thừa nhận có nợ tiền của bà T nhưng đùn đẩy trách nhiệm trả nợ nên không thống nhất giải quyết được. Xét thấy số nợ anh P, chị H vay của bà T trong thời gian anh chị chưa ly hôn, mục đích vay để xây nhà cho hai vợ chồng nhưng sau khi vay anh chị đã ly hôn. Sau khi ly hôn anh chị chưa giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên số tiền 20.000.000 đồng vay của bà T là nợ chung của hai vợ chồng. Anh P, chị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những nội dung và phân tích nêu trên, căn cứ các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của bà T; buộc anh P, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên anh P và chị H đã ly hôn nên cần xác định nghĩa vụ trả nợ theo phần để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên đương sự, do đó anh P và chị H mỗi người có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc anh P, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Lương Thị T khởi kiện anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H yêu cầu trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng:

Bà T và anh P, chị H là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và anh P, chị H.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Lương Thị T yêu cầu anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, chị H và anh P không đồng ý, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày có cho vợ chồng anh Lương Hồng P và bà Trần Thị H vay 20.000.000 đồng để xây nhà, khi vay không làm giấy tờ, không hẹn thời gian trả, không thỏa thuận lãi. Chị H cũng thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, số tiền vay, mục đích vay và lãi suất như bà T trình bày. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không lãi suất, không kỳ hạn.

Chị H thừa nhận còn nợ bà T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, vay để vợ chồng xây nhà nhưng nay chị H và anh P đã ly hôn. Căn nhà chung của vợ chồng hiện anh P đang quản lý, sử dụng nên anh P có trách nhiệm trả nợ. Chị không ở căn nhà nên không đồng ý trả nợ cho bà T. Anh P cho rằng không có vay tiền bà T nên không đồng ý trả nợ.

Tại biên bản hòa giải về việc mượn nợ ngày 29/9/2019, do Tổ hòa giải ấp P chủ trì có nội dung anh Lương Hồng P trình bày “vợ chồng tôi lúc chưa ly hôn có mượn của chị Lương Thị Thanh T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)”, tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án (bút lục 24, 34, 35), anh P cũng thừa nhận chữ ký tên “P” trong biên bản hòa giải ngày 29/9/2019 là do anh ký. Qua xác minh tổ hòa giải ấp P thể hiện tại buổi hòa giải ngày 29/9/2019 anh P thừa nhận vợ chồng anh có nợ bà T 20.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận được phương

thức trả. Do đó có đủ cơ sở khẳng định việc anh P, chị H vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng là có thật.

Chị H và anh P tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2019, chị H và anh P ly hôn và chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Mục đích anh P, chị H vay tiền là để xây nhà chung nên có căn cứ khẳng định đây là nợ chung của vợ chồng anh P, chị H trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, chị H, anh P đều có nghĩa vụ chung đối với hợp đồng vay tài sản nêu trên.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, căn cứ các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử buộc anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, anh P, chị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng : 2 = 10.000.000 đồng.

Bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Anh Lương Hồng P và chị Trần Thị H mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T.

Buộc ông Lương Hồng P và chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Anh Lương Hồng P và chị Trần Thị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị T số tiền nợ gốc 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà Lương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lương Hồng P, chị Trần Thị H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh P, chị H còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Hồng P, chị Trần Thị H mỗi người phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 500.000 (năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006771 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Oanh Kiều